

Ordering at a festival

祭りの屋台で注文する



SAY THIS / こう言おう

たこ焼きを一つください。

Takoyaki o hitotsu kudasai.



-  Order one serving of takoyaki at a stall.
-  Gọi một phần takoyaki tại quầy hàng.
-  Peça uma porção de takoyaki na barraca.
-  Umorder ng isang serving ng takoyaki sa puwesto.
-  在摊位点一份章鱼烧时说。
-  Pesan satu porsi takoyaki di kedai festival.
-  祭りの屋台でたこ焼きを一人前頼む時に。